

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/DS-ST
Ngày: 14/5/2024
“*V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phù Thọ Bồn.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ N.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2024/TLST-DS, ngày 28/3/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-DS, ngày 26/4/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm: 1974 và ông **Nguyễn Văn Thoả**, sinh năm: 1968. Cùng địa chỉ: Khu phố Hòa Lập, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị Kim N**, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Tổ 10, khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

(Bà C, bà N có mặt, ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Văn Thoả trình bày và yêu cầu như sau:

Vợ chồng tôi có cho bà Huỳnh Thị Kim N vay tổng số tiền 21.000.000 đồng. Vì vậy bà N có viết giấy mượn tiền thừa nhận có nợ chúng tôi số tiền trên vào ngày 22/5/2022 âm lịch, số tiền này đến nay bà N vẫn chưa trả cho vợ chồng tôi.

Vì vậy vợ chồng tôi khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim N phải trả cho chúng

tôi số tiền 21.000.000 đồng cùng với lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 22/5/2022 âm lịch cho đến khi vụ án đưa ra xét xử.

- Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N trình bày:

Tôi thừa nhận có vay của vợ chồng bà C, ông T và có viết biên nhận với số tiền là 21.000.000 đồng. Trong quá trình vay thì tôi có góp hàng ngày cho vợ chồng ông bà được 158 ngày x 50.000đ = 7.900.000 đồng, do bị bế nợ nên tôi có xin trả số tiền gốc, xin bỏ lãi và được vợ chồng bà C, ông T chấp nhận. Việc góp tiền hàng ngày tôi có ghi vào sổ, do tôi tự theo dõi nên không có chữ ký xác nhận của bà C, ông T. Hiện tại số tiền gốc tôi còn nợ lại là 13.100.000 đồng. Xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xin vợ chồng ông, bà bỏ không tính lãi.

Về lãi suất thì các bên có T thuận cứ 10.000.000 đồng thì mỗi ngày góp 50.000 đồng tiền lãi, 01 tháng là 1.500.000 đồng. Tổng số tiền đã góp được là 7.900.000 đồng tiền gốc, do tôi đã xin không tính lãi. Nếu bà C, ông T yêu cầu tính lãi thì xin Tòa án xem xét số tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn trình bày:

Số tiền bà Huỳnh Thị Kim N trả cho vợ chồng tôi chỉ được 3 tháng tiền lãi là 50.000đ x 90 ngày = 4.500.000 đồng. Ngoài ra thì bà N chưa trả cho chúng tôi được khoản tiền nào khác. Việc bà N cho rằng có trả cho tôi được 158 ngày x 50.000đ = 7.900.000 đồng tiền gốc và xin vợ chồng tôi bỏ lãi là không đúng. Việc bà N có cung cấp chứng cứ là giấy ghi việc bà trả nợ hàng ngày là không đúng, do bà N tự ghi, tôi không biết và cũng không có ký xác nhận vào các tờ giấy này.

Vì vậy, vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả số tiền còn nợ là 21.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 22/5/2022 âm lịch cho đến khi vụ án được xét xử, không đồng ý cho bà N trả dần.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà C, ông T, buộc bà N trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử trừ đi số tiền lãi bà N đã trả là 4.500.000 đồng. Bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn Bà Huỳnh Thị Kim N có nơi cư trú tại tổ 10, khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa: Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu khởi kiện của Vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Văn Thoả là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ, bà Huỳnh Thị Kim N thừa nhận có nợ số tiền 21.000.000đ như yêu cầu khởi kiện là đúng nhưng cho rằng đã góp hàng ngày được số tiền gốc là 158 ngày x 50.000đ = là 7.900.000đ, do đã xin không tính lãi và được bà C, ông T chấp nhận nên chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 13.100.000đ và xin trả dần mỗi tháng 300.000đ đến khi hết nợ, xin không tiếp tục tính lãi.

Tuy nhiên bà C, ông T khẳng định bà N chỉ góp được số tiền lãi là 90 ngày x 50.000đ = 4.500.000đ, ngoài ra thì không còn trả khoản nào khác. Bà N có cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc có góp hàng ngày với số tiền là 7.900.000đ. Xét chứng cứ do bà N cung cấp không có chữ ký xác nhận của các bên và bà C, ông T cũng không thừa nhận nên ý kiến của bà N là không có cơ sở chấp nhận. Do các bên có T thuận việc trả lãi nhưng lãi suất các bên T thuận vượt quá quy định của pháp luật nên lãi suất được xác định lại theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm tương ứng với 1,66%/tháng. Vì vậy lãi suất tính từ ngày 22/5/2022 âm lịch nhằm ngày 20/6/2022 dương lịch đến ngày xét xử 14/5/2024 là 22 tháng 24 ngày x 1,66%/tháng x 21.000.000đ = 7.948.080đ. Tuy nhiên do bà N đã trả được số tiền lãi là 4.500.000đ nên tổng số tiền bà N phải trả cho vợ chồng bà C, ông T là 21.000.000đ + 7.948.080đ – 4.500.000đ = 24.448.080đ.

Xét ý kiến của bà N về việc xin trả mỗi tháng là 300.000đ cho đến khi hết nợ, do hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên không thể trả một lần, Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở chấp nhận do phía nguyên đơn không đồng ý và Bộ luật Dân sự cũng không quy định về trả dần khi các bên đương sự không có T thuận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà N bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả. Trả lại cho bà C, ông T số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Huỳnh Thị Kim N phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Văn Thoả số tiền 24.448.080 đồng, trong đó số tiền gốc là 21.000.000 đồng, số tiền lãi là 3.448.080 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người bị thi hành án còn phải chịu

thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Huỳnh Thị Kim N phải chịu số tiền án phí là 1.222.404 đồng.
- Trả lại cho Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Văn Thoả số tiền án phí tạm nộp là 525.000 đồng theo biên lai số 0001886 ngày 27/3/2024 của C cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyền kháng cáo: Bà C, bà N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền T thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhân:

- TAND tænh Kieân Giang;
- VKSND tænh Kieân Giang;
- VKSND huyeân Kieân Lööng;
- C cüc THADS huyeân Kieân Lööng;
- Nhööng ngôøi TGTT;
- Löu taäp aùn, hoà sô;

**TM. HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÔU SÔ
THẨM
THẨM PHAÙN – CHUÛ TOÃ PHIEÂN
TOA**

Nguyễn Văn Pho